| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2021
V/v: Chị Lê Thị Đ xin ly hôn anh Trịnh Công Q

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Đức Hiển.

Bà Phạm Thị Láng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Kim Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 2 năm 2021 về tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm X, thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân tại Công ty TNHH May XX, khu Công nghiệp Đài Tín, địa chỉ tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh **Trịnh Công Q**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm X, thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày***:

Chị và anh Trịnh Công Q tự nguyện chung sống với nhau từ cuối năm 2006, đầu năm 2007 chị có thai, ngày 29 tháng 9 năm 2007 chị sinh con Trịnh Quỳnh L và đến ngày 02 tháng 12 năm 2008 chị và anh Q làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện. Quá trình chung sống và sau thời điểm đăng ký kết hôn cuộc sống giữa chị và anh Q về cơ bản là hạnh phúc, tuy đôi khi có xảy ra xô xát, cãi vã nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, gia đình nào cũng có. Cuộc sống của anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do kinh tế khó khăn, anh chị không có sự động viên, chia sẻ, anh Q không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác, không chịu làm ăn, vay nợ nhiều người, chị đều phải đứng ra trả nợ. Vì thương con, chị chấp nhận bỏ qua cho anh Q nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Anh chị liên tục xảy ra cãi vã, có lần anh Q còn đánh chị. Từ cuối năm 2018 anh Q bỏ đi làm ăn tự do, nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về qua nhà, không quan tâm và không có trách nhiệm gì với vợ con, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Cuối năm 2020, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế, chị xin ly hôn anh Q. Việc ly hôn, chị đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Chị và anh Trịnh Công Q có một con chung là Trịnh Quỳnh L, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2007. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con L và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con. Vì: Chị có công việc, có thu nhập ổn định, con là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ và khi Tòa án lấy lời khai con có nguyện vọng ở cùng chị. Anh Q làm nghề tự do, nay đây mai đó, nếu con ở cùng anh Q cuộc sống của con vì thế sẽ không được đảm bảo.

Chị và anh Trịnh Công Q không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 24 tháng 3 năm 2021 do bị đơn anh Trịnh Công Q gửi về Tòa án qua đường bưu điện và do mẹ đẻ anh Q là bà Lương Thị X giao nộp tại Tòa án, anh Q trình bày:***

Anh và chị Lê Thị Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 02 tháng 12 năm 2008 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 5 năm thì xảy ra nhiều bất đồng và mâu thuẫn thực sự căng thẳng nhất là vào năm 2018. Nguyên nhân do quan điểm sống, cách sống giữa anh chị không phù hợp, anh không quan tâm đến vợ con, kinh tế khó khăn nhưng cả hai không tìm được hướng giải quyết, anh đi làm ăn xa, nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về thăm nhà dẫn đến tình cảm không còn. Nay chị Đ xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Anh và chị Lê Thị Đ có một con chung là Trịnh Quỳnh L, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2007, đang ở cùng chị Đ. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con L cho chị Đ nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng cho con vì hiện kinh tế của anh cũng gặp nhiều khó khăn.

Anh và chị Lê Thị Đ không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Do anh ở xa, việc đi lại khó khăn, anh đề nghị được vắng mặt. Các văn bản tố tụng của Tòa án, đề nghị Tòa án gửi về cho anh theo địa chỉ nơi cư trú của anh, bố mẹ đẻ anh nhận và sẽ có trách nhiệm giao hoặc thông báo lại cho anh.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 25 tháng 3 năm 2021, với sự có mặt của chị Lê Thị Đ, cháu Trịnh Quỳnh L trình bày:***

Bố đẻ cháu là Trịnh Công Q. Mẹ đẻ cháu là Lê Thị Đ. Hiện cháu đang ở cùng mẹ đẻ cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ đẻ cháu.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 29 tháng 3 năm 2021, bà Đặng Thị Ng (mẹ chị Lê Thị Đ) trình bày:***

Chị Đ, anh Q kết hôn năm 2008. Về mâu thuẫn giữa anh chị là do anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác, không chịu làm ăn, vay nợ nhiều người, chị Đ phải trả nợ, rồi anh Q đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con. Từ cuối năm 2020, chị Đ đưa con về nhà bà ở từ đó đến nay. Nay chị Đ xin ly hôn anh Q, bà đề nghị Tòa án chấp nhận vì cuộc sống của anh chị nếu cứ như vậy kéo dài sẽ không có tương lai, con bà, cháu bà sẽ khổ.

Chị Đ, anh Q có một con chung là cháu Trịnh Quỳnh L, sinh năm 2007. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị giao con L cho chị Đ nuôi dưỡng vì cháu đang ở cùng chị Đ ổn định.

Chị Đ, anh Q không có nghĩa vụ gì về tài sản liên quan đến gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 20 tháng 4 năm 2021, bà Lương Thị Xuân (mẹ đẻ anh Trịnh Công Q), trình bày:***

Anh Q, chị Đ kết hôn năm 2008. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình bà. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, anh Q đi làm ăn xa, ít về nhà, thiếu sự quan tâm đến vợ con. Cuối năm 2020 chị Đ đưa con về nhà bố mẹ ở từ đó đến nay. Nay chị Đ xin ly hôn anh Q, theo bà thì chị Đ, anh Q không còn tình cảm, sống ly thân đã lâu, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn anh Q.

Anh Q, chị Đ có một con chung là cháu Trịnh Quỳnh L, sinh năm 2007, hiện đang ở với chị Đ. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị giao con L cho chị Đ nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con L, do anh chị tự quyết định.

Anh Q, chị Đ không có nghĩa vụ gì về tài sản liên quan đến gia đình bà.

Anh Q làm nghề tự do, nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về nhà. Toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án gửi trực tiếp cho gia đình bà, gia đình bà đều đã nhận và đều đã thông báo lại cho anh Q. Anh Q có nói anh đang ở xa, lại đang trong đợt dịch Covid nên anh Q không về được. Cuối tháng 3 năm 2021, anh Q có gửi qua đường bưu điện về cho gia đình bà văn bản trình bày ý kiến của anh Q đề ngày 24 tháng 3 năm 2021 và bản sao giấy chứng minh nhân dân của anh Q. Sau khi nhận được văn bản trên, bà đã giao nộp Tòa án, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

**** Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 4 năm 2021, đại diện thôn B, đại diện UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị Đ, anh Q đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị kết hôn vào ngày 02 tháng 12 năm 2008 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01. Về mâu thuẫn giữa chị Đ, anh Q cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm bắt được cụ thể. Tuy nhiên, từ cuối năm 2020 đến nay chị Đ không sinh sống tại nhà anh Q, còn anh Q đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Nay chị Đ xin ly hôn anh Q, về phía chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị Đ, anh Q có một con chung là cháu Trịnh Quỳnh L, sinh năm 2007. Về nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Việc giải quyết liên quan đến tài sản của chị Đ, anh Q, về phía chính quyền địa phương không có ý kiến gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Xử cho chị Đ được ly hôn anh Q. Giao cho chị Đ nuôi dưỡng con Trịnh Quỳnh L, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2007. Chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con. Không giải quyết về tài sản. Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Đ khởi kiện xin ly hôn anh Trịnh Công Q, anh Q có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Trong các ngày 29 tháng 4 năm 2021, 06 tháng 5 năm 2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

các phiên hòa giải theo đúng quy định tại Điều 208, Điều 209, Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ngày 13 tháng 5 năm 2021, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 03 tháng 6 năm 2021, Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Xét thấy, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp có mặt chị Đ, vắng mặt anh Q.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Trịnh Công Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01, ngày 02 tháng 12 năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn giữa chị Đ, anh Q là có. Nguyên nhân chính là do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, khi kinh tế khó khăn anh chị không tìm cách tháo gỡ và từ cuối năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đ, anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn anh Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Trịnh Công Q có một con chung là cháu Trịnh Quỳnh L, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2007, hiện đang ở cùng chị Đ. Xét thấy, chị Đ có công việc, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, anh Q làm nghề tự do, nơi ở không ổn định, mặt khác, con L hiện đang ở độ tuổi trưởng thành, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Để con L ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của con, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao cho chị Đ nuôi dưỡng con L là phù hợp. Việc chị Lê Thị Đ không yêu cầu anh Trịnh Công Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị Đ, anh Trịnh Công Q không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Đ, anh Trịnh Công Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Đ và anh Trịnh Công Q.

**2.** Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Quỳnh L, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2007. Chấp nhận việc chị Lê Thị Đ không yêu cầu anh Trịnh Công Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trịnh Quỳnh L cùng chị.

2.2. Anh Trịnh Công Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Lê Thị Đ, anh Trịnh Công Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

**3.** Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đ đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000763 đề ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Như vậy, chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 6 năm 2021). Anh Trịnh Công Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 36, quyển số 01, ngày 02/12/2008);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**